TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Điểm

Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 404/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị L, sinh năm 1972; Căn cước công dân số: 051172003290; địa chỉ: Số B, đường N, Tổ H, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phước L1, sinh năm 1977; Căn cước công dân số: 074077005431; địa chỉ: Số B, đường N, Tổ H, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:* Bà Võ Thị L và ông Nguyễn Phước L1 kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Quá trình chung sống, bà L và ông L1 có 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 06/7/2000 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 20/01/2008.

Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau này thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, dẫn đến ông L1 đã đánh

bà L. Hiện nay, bà L không còn tình cảm với ông L1, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu.

Nay, bà L thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông L1; về con chung: Do 02 con đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn – ông Nguyễn Phước L1 đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia hòa giải đoàn tụ, tham gia phiên họp và tham gia phiên tòa hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không tham gia tố tụng và không gửi văn bản giải trình về vụ án cho Tòa án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà L và ông L1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp; theo kết quả xác minh của Tòa án về tình trạng hôn nhân của bà L và ông L1 thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn, các bên đã được mời lên Công an phường làm việc liên quan đến việc ông L1 có hành vi đánh bà L, khi bà L làm thủ tục ly hôn, ông L1 không có ý kiến. Như vậy, có căn cứ xác định: Mâu thuẫn giữa bà L và ông L1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L; về con chung: Do con chung của bà L và ông L1 là Nguyễn Minh T và Nguyễn Minh T1 đã trên 18 tuổi, nên không xem xét, giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu, nên không giải quyết.

Từ những phân tích trên, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Phước L1, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn ông Nguyễn Phước L1 hiện đang cư trú tại: Số B, đường N, Tổ H, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Phước L1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; bà Võ Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng

mặt; căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị L và ông Nguyễn Phước L1 tự nguyện chung sống và kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Quá trình chung sống, do hai bên bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Theo xác nhận của chính quyền nơi cư trú của bà L và ông L1 thì ông L1 đã có hành vi bạo lực đối với bà L, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ lâu. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà L và ông L1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L1 là đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[3] Về con chung: Do con chung của bà L và ông L1 là Nguyễn Minh T, sinh ngày 06/7/2000 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 20/01/2008 đã trên 18 tuổi, nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên đương sự không có tranh chấp nên không giải quyết.

[5] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn Phước L1 về việc "Ly hôn";

Bà Võ Thị L được ly hôn ông Nguyễn Phước L1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 74/2000 ngày 08 tháng 8 năm 2000 do Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P,

Thành phố Hồ Chí Minh) cấp cho bà Võ Thị L và ông Nguyễn Phước L1 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Do con chung của bà Võ Thị L và ông Nguyễn Phước L1 là anh Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Minh T1 đã trên 18 tuổi, nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029669 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND KV15-TP.Hồ Chí Minh;
- THADS TP.Hồ Chí Minh;
- UBND P. Phú Lợi, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trường

TAND KHU VỰC 15

DLL210726.TL.QDBA
2720